TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 3 - 2023.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Lâm Quang Sô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn Ch, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Vào năm 1994, bà L và ông Dương Văn Ch do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng. Đến ngày 19/01/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Hôn nhân do ông bà cùng tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, ông Ch không lo làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Bà L và ông Ch có 02 con chung tên Dương Quốc Kh (giới tính: nam), sinh ngày 02/9/1995 và cháu Dương Khánh H (giới tính: nam), sinh ngày 20/01/2012. Các cháu hiện đang sống chung với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, chưa yêu cầu ông Ch cấp dưỡng. Đối với cháu Kh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời trình bày của bà L đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Ch để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Ch đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Ch. Ông Ch cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Tại phiên tòa ông Ch vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Dương Văn Ch và bà L yêu cầu được nuôi con chung. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con". Bị đơn ông Dương Văn Ch có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Dương Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và ông Ch nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Ch tự nguyện kết hôn vào năm 1994 và chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của bà L và ông Ch được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống bà L và ông Ch phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà L cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông Ch không thể hàn gắn, bà L không thể tiếp tục sống chung với ông Ch được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Ch. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà L và ông Ch nhiều lần để hòa giải, động viên ông bà đoàn tụ nhưng ông Ch vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử bà L vẫn cương quyết ly hôn với ông Ch. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Ch thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bà L và ông Ch đã ly thân rất lâu từ năm 2017 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà bà L yêu cầu xin ly hôn với ông Ch là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Cho bà L và ông Ch được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Xét thấy, từ khi bà L và ông Ch ly thân cho đến nay, cháu Dương Khánh H sống chung với bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cháu H đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà L. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu Huy nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Ch chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu H do bà L chưa yêu cầu. Ông Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với Dương Quốc Kh đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Dương Văn Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Dương Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Khánh H (giới tính: nam), sinh ngày 20/01/2012 cho bà Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Ch chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu H do bà L chưa yêu cầu. Ông Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với Dương Quốc Kh (giới tính: nam), sinh ngày 02/9/1995 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo lai thu số 0006574 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã X;
- Các dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần